



nào ní

淖泥

noun • mud; slush

Example Sentence

Yǔ hòu lù shàng quán shì nào ní hěn nán zǒu
雨后路上全是淖泥，很难走。

After the rain, the road was full of mud and hard to walk on.

Trace each character, then write the word on your own.

淖 淖 淖 淖 淖 淖 淖 淖 淖 淖 淖

淖 淖 淖

泥 泥 泥 泥 泥 泥 泥 泥 泥 泥 泥